

LUẬN NGŨ SỰ TỖ BÀ SA

QUYỂN HẠ

Phẩm 1: PHÂN BIỆT SẮC (Phần cuối)

Hỏi: Sắc được tạo thuộc về căn bên trong, tôi đã biết rõ. Nay tôi lại muốn nghe sắc không phải thuộc về căn, xưa ông giải thích cho.

Đáp: Sắc, thanh, hương, vị thuộc tiếp xúc thuộc về vô biểu. Sắc trong đây là khéo hiển sắc v.v... Nếu xanh, vàng, v.v... là sắc không đổi thay, hư hoại gọi là hiển sắc đẹp. Nếu sắc này hư hoại, đổi thay gọi là hiển sắc xấu. Nếu bình đẳng gọi là hai trung gian giống như sắc xứ hiển bày

Hỏi: Sắc xứ có hai thứ:

1. Hiển.
2. Hình.

Vậy sao trong đây chỉ phân tích hiển sắc?

Đáp: Nay ở trong đây nên nói thế này: Sắc có hai thứ:

1. Hiển.
2. Hình.

Hiển sắc: Là màu xanh, vàng, v.v... Hình sắc là dài, ngắn v.v... Nhưng không nói là có ý gì? Nghĩa là hiển sắc thô sơ và dễ biết. Như vậy các sắc là đối tượng nhận thức của hai thức trong sáu thức. Nghĩa là mắt và ý, trước dùng nhãn thức chỉ phân biệt về tự tướng, sau dùng ý thức để phân biệt rõ cả cộng tướng và tự tướng. Nghĩa là các sắc kia lúc an trụ trong hiện tại, nhãn thức chỉ có thể hiểu rõ tự tướng của sắc đó. Nhãn thức không gián đoạn phát sinh ý thức phân biệt, lại phân biệt rõ về tự tướng hoặc cộng tướng của sắc trước. Tuy nhiên, ý thức phát sinh phân biệt này đã dựa vào nhãn thức trước, duyên cảnh của sắc trước. Như vậy lúc ý thức đang trong hiện tại, thì đối tượng nương dựa và đối tượng duyên đều ở quá khứ, do năm cảnh này lúc trụ trong hiện tại, ý thức không thể phân biệt tự tướng của năm cảnh đó, cho nên cảnh của sắc là đối tượng nhận thức của hai thức. Nghĩa là lúc các nhãn thức hiện

khởi ở trước mặt chỉ phân biệt rõ về tự tướng ở hiện tại, chứ không phải cộng tướng. Nếu khi các ý thức hiện ở trước thì phân biệt chung các tự tướng và cộng tướng của ba đời vì các cảnh giới của ý thức đều hiện bày cùng khắp, vì có sự phân biệt. Nhãn thức không gián đoạn, không nhất định khởi ý thức, vì đối với sáu thức thân, chỉ chấp nhận tùy khởi một thứ nào đó. Nếu nhãn thức không gián đoạn, nhất định sinh khởi ý thức, thì khổ căn lẽ ra không phải khổ v.v... mà không gián đoạn, khổ căn chỉ có ở năm thức thân. Nếu vậy thì trái với phần Uẩn căn đã nói: Khổ căn làm nhân đẳng vô gián tăng thượng cho khổ căn. Nhưng dựa vào nhãn thức phân biệt sắc rồi, dẫn khởi không gián đoạn ý thức phân biệt, nên nói như vậy: Nhãn thức nhận biết trước, nhãn thức thọ nhận rồi ý thức mới nhận thức theo. Thanh có hai thứ, cho đến nói rộng.

Có chấp thọ đại chủng, nghĩa là các đại chủng trong sát-na hiện tại thuộc về số hữu tình.

Không chấp thọ đại chủng, nghĩa là các đại chủng quá khứ, vị lai, thuộc số hữu tình và ba đời không phải thuộc số hữu tình. Trong đây, âm thanh có chấp thọ đại chủng phát sinh, gọi là có chấp thọ đại chủng làm nhân. Có chấp thọ đại chủng với âm thanh đã sinh này là năm thức nhân trước sinh ra, v.v... Không chấp thọ đại chủng làm nhân phát sinh âm thanh cũng như thế. Nếu từ miệng phát ra, tay v.v... cùng kết hợp sinh, gọi là âm thanh có chấp thọ đại chủng làm nhân. Nếu từ rừng, nước, gió v.v... mà phát sinh gọi là âm thanh không có chấp thọ đại chủng làm nhân, ngoài ra như trước đã giải thích.

Tất cả các mùi hương, cho đến nói rộng, vừa ý gọi là mùi hương tốt, không vừa gọi là mùi hương xấu. Theo xả thọ xứ, gọi là mùi hương bình đẳng.

Đối tượng ngửi các mũi, nghĩa là cảnh của tỷ căn, ngoài ra như trước đã giải thích. Tất cả các vị cho đến nói rộng. Có thích ý gọi là vị vừa ý. Không thích ý gọi là vị không vừa ý, trái với hai thứ này gọi là vị thuận xả xứ.

Đối tượng nếm của lưỡi, nghĩa là cảnh của thiệt căn, ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị, là khởi thiệt thức trước hay khởi thân thức trước?

Đáp: Nếu đối tượng nếm là chất lạnh, ấm, v.v... tăng, thì khởi thân thức trước. Nếu đối tượng nếm là chất mặn, chua, v.v... tăng thì khởi thiệt thức trước. Nếu vị xúc bình đẳng thì cũng khởi thiệt thức trước, vì vị dục mạnh hơn, một phần được tiếp xúc cho đến nói rộng.

Tánh trơn láng là mềm mỏng, tính chất nhám rít là khô nặng. Tánh nhẹ là không thể cân lường. Tánh nặng là có thể cân lường.

Lạnh, nghĩa là có thôi thúc muốn ấm, đói là muốn ăn. Khát là muốn uống, bầy thứ như vậy là thuộc xúc xứ, do sắc được tạo làm tự tánh. Bốn đại chủng trước dù thuộc xúc xứ, nhưng không phải do sắc được tạo làm tự tánh. Thế nên, xúc xứ có mười một thứ, nay vì có bảy thứ được tạo nên gọi là một phần.

Đối tượng tiếp xúc của thân, nghĩa là cảnh của thân căn, ngoài ra như trước đã giải thích.

Hỏi: Tăng thêm đại chủng nào nên có tính chất trơn, cho đến tăng thêm đại chủng nào mà có tính chất khát?

Đáp: Có thuyết nói: Không sự thêm bên nào, nhưng tánh của bốn đại chủng, theo loại có khác nhau có thể tạo nên tánh trơn láng. Nói rộng cho đến có thể tạo nên tính chất khát.

Lại có thuyết nói: Vì giới nước, lửa tăng thêm, nên có thể tạo ra tính chất trơn láng. Vì giới đất và gió thêm, nên có thể tạo ra tánh nhám rít. Vì giới lửa, gió thêm nên có công năng tạo ra tính chất nhẹ. Vì giới đất, nước tăng thêm nên có thể tạo ra tính chất nặng. Vì giới nước, gió tăng thêm nên có thể tạo ra tính chất lạnh. Vì chỉ thêm giới gió nên có khả năng tạo ra tính chất đói.

Chỉ thêm giới lửa nên có thể tạo ra tính chất khát. Đây là nói sự tăng thêm, nghĩa là nghiệp dụng tăng thêm, không phải sự thể tăng thêm.

Như tâm, tâm sở, vô biểu là thế nào? Cho đến nói rộng.

Rơi vào sắc pháp xứ, rơi (đọa) có sáu thứ:

1. Giới đọa.
2. Thú đọa.
3. Bồ-đặc-già-la đọa.
4. Xứ đọa.
5. Hữu lậu đọa.
6. Tự thể đọa.

Giới đọa như trong phần Kiết uẩn nói: Các kiết đọa cõi Dục, kiết đó ở cõi Dục, v.v...

Thú đọa, nghĩa là nếu thuộc về thú đường như vậy, gọi là thú.

Bồ-đặc-già-la đọa: Như Tỳ-nại-da nói: Có hai Bồ-đặc-già-la, rơi trong tăng số, khiến tăng hòa hợp.

Xứ đọa: Như trong đây nói: Vô biểu sắc là thế nào? Nghĩa là sắc rơi vào pháp xứ.

Hữu lậu đọa: Như luận này nói: Thế nào là đọa pháp? Đó là pháp hữu lậu.

Tự thể đọa: Như Đại chủng uẩn nói: Có chấp thọ nghĩa là gì? Đây là tăng ngữ đã làm sáng tỏ pháp của tự thể đọa.

Sắc vô biểu: Giới thiện, ác nối tiếp nhau không dứt. Sắc vô biểu này do một thức nhận biết trong tất cả thời, đó là ý thức. Nghĩa là vì không có đối, năm cảnh như sắc, v.v... ngay trong lúc hiện tại, là đối tượng nhận biết của năm thức, đối tượng nhận biết của ý thức trong ba đời, đó là lúc nào ý thức cũng biết năm căn như nhãn, v.v... cũng là đối tượng nhận biết của ý thức trong tất cả thời.

Sắc vô biểu này gồm có hai thứ: thiện, bất thiện, không có vô ký. Nghĩa là do sức mạnh, tâm có thể phát sinh vô biểu. Tâm vô ký yếu kém, không phát sinh vô biểu. Các vô biểu thiện gồm có hai thứ:

1. Thuộc về luật nghi.
2. Không thuộc về luật nghi.

Vô biểu bất thiện cũng có hai thứ:

1. Thuộc về bất luật nghi.
2. Không thuộc về bất luật nghi.

Vô biểu thuộc về luật nghi lại có bốn thứ:

- a. Luật nghi biệt giải thoát.
- b. Luật nghi tinh lự.
- c. Luật nghi vô lậu.
- d. Luật nghi đoạn.

Luật nghi biệt giải thoát, nghĩa là giới của bảy chúng. Luật nghi tinh lự là giới của cõi Sắc. Luật nghi vô lậu là giới của bậc Hữu học, Vô học. Luật nghi đoạn, nghĩa là dựa vào một phần của hai luật nghi để kiến lập, đó là luật nghi tinh lự và luật nghi vô lậu.

Là nhiệm cõi Dục thuộc về tùy chuyển của chín đạo Vô gián gọi là luật nghi đoạn. Vì có thể đối trị hết bảy giới ác và có thể đối trị phiền não do giới ác khởi, nên gọi là đoạn. Thuộc về phần tùy chuyển của tám đạo Vô gián trước, nghĩa là chỉ có thể đối trị sự khởi lên phiền não của giới ác. Thuộc về phần tùy chuyển của đạo Vô gián thứ chín có thể đối trị giới ác khởi lên và có thể đối trị phiền não của giới ác ấy đầy khởi.

Hỏi: Luật nghi biệt giải thoát do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Do sự giáo hóa của người khác nên được, do bốn duyên nên xả. Bốn duyên là:

1. Xả giới đã học.

2. Sinh ra hai hình.
3. Căn thiện bị cắt đứt.
4. Làm mất chúng đồng phần.

Hỏi: Luật nghi tĩnh lự do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Tâm thiện cõi Sắc nếu được liền được, nếu xả liền xả. Luật nghi này lại có hai thứ:

1. Do thối lui.
2. Do giới, địa có sự chuyển dời.

Hỏi: Luật nghi vô lậu do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Cùng được với đạo, không hoàn toàn xả. Nếu tùy phần xả thì do ba duyên:

1. Do thối lui.
2. Do được quả.
3. Do chuyển căn.

Hỏi: Luật nghi đoạn do đâu mà được, do đâu mà xả?

Đáp: Vì thuộc về luật nghi tĩnh lự, nghĩa là nói như luật nghi tĩnh lự. Thuộc về luật nghi vô lậu, nghĩa là nói như luật nghi vô lậu. Như nói về luật nghi vô lậu, thuộc về luật nghi thiện vô biểu, nếu tâm sở thanh tịnh, mạnh mẽ sẽ phát sinh việc thiện, sẽ biểu hiện được vô biểu này. Nếu tâm sở thanh tịnh yếu kém phát khởi thiện biểu, thì không được vô biểu này.

Xả vô biểu này do ba duyên:

1. Ý lạc dứt.
2. Xả gia hạnh.
3. Lỗi thế lực bị hạn chế.

Thuộc về bất luật nghi bất thiện vô biểu, nghĩa là các bất luật nghi như giết mổ dê, v.v... Bất luật nghi này do hai duyên mà được:

1. Do tạo nghiệp.
2. Do nhận việc.

Bất luật nghi này do bốn duyên xả:

1. Do thọ giới biệt giải thoát.
2. Do được luật nghi tĩnh lự.
3. Do sinh hai hình.
4. Do mất chúng đồng phần.

Nhưng tất cả sắc lược có bốn thứ:

1. Dị thực.
2. Nuôi lớn.
3. Đẳng lưu.

4. Sát-na.

Nhãn xứ trong đây chỉ có hai thứ:

1. Dị thực.

2. Nuôi lớn. Không có đẳng lưu riêng, vì lia hai thứ trước, không có tánh đẳng lưu riêng ba. Xứ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nên biết cũng vậy. Xứ của sắc chỉ có thứ: dị thực, nuôi lớn và đẳng lưu. Xứ hương, vị, xúc, nên biết cũng vậy.

Thanh xứ chỉ có hai thứ: Tức ở ba thứ trước, trừ dị thực. Sắc thuộc pháp xứ chỉ có hai thứ: Tâm vô lậu đầu tiên đi chung thuộc về sát-na. Những thứ khác thuộc về đẳng lưu.
